

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Stanley Brothers

Ngày 31/12/2025	17,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.6%	-	37.1%

DT thuần Q4/25
16.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.7 55500%
YoY: ▲ 16.7 166701%

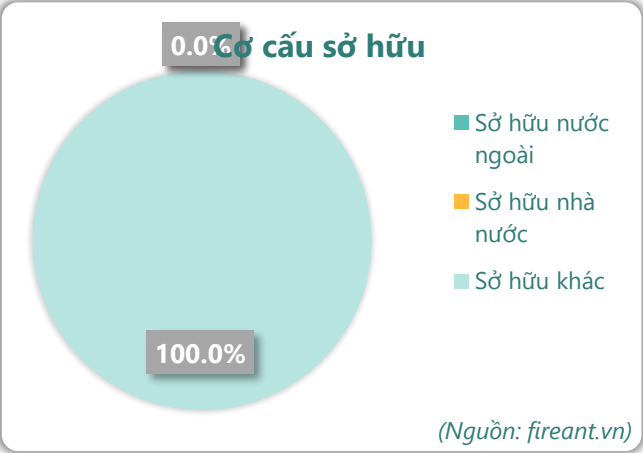
LN thuần Q4/25
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06
YoY: ▼0.07 -51.0%

LN sau thuế Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
142%
YoY: +/-▼ 153%

ROE 2025

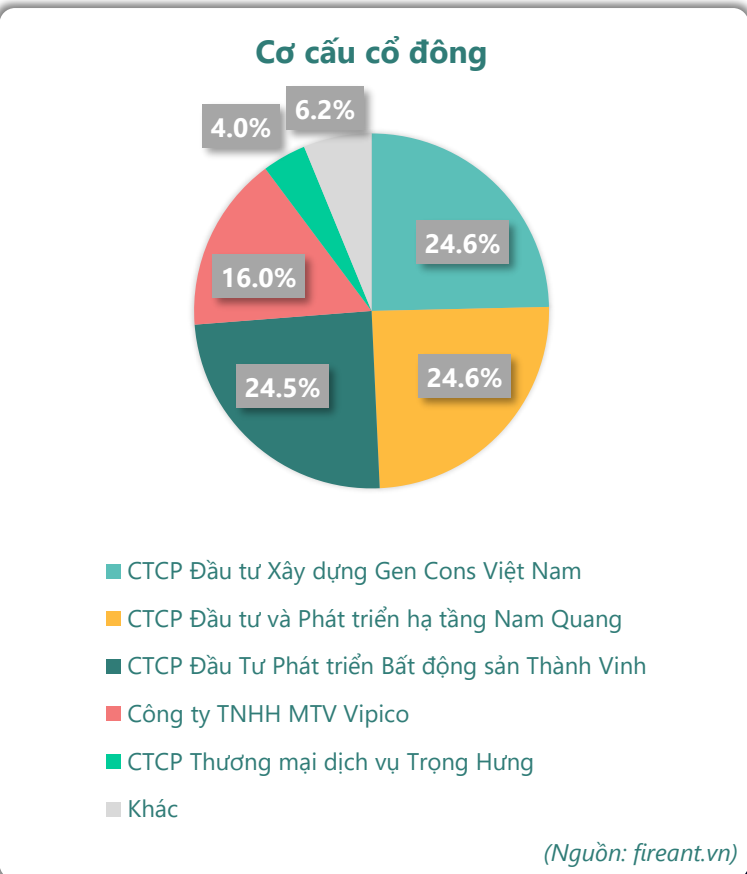
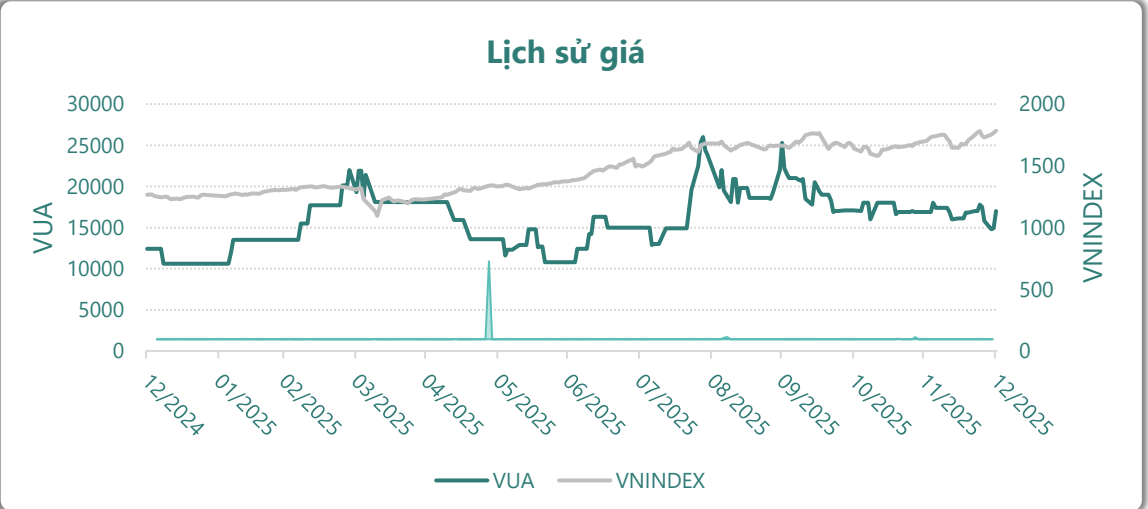
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,600 - 26,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	576
Số lượng CPLH (CP)	33,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	565
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.61
EPS	98
P/E	174.3



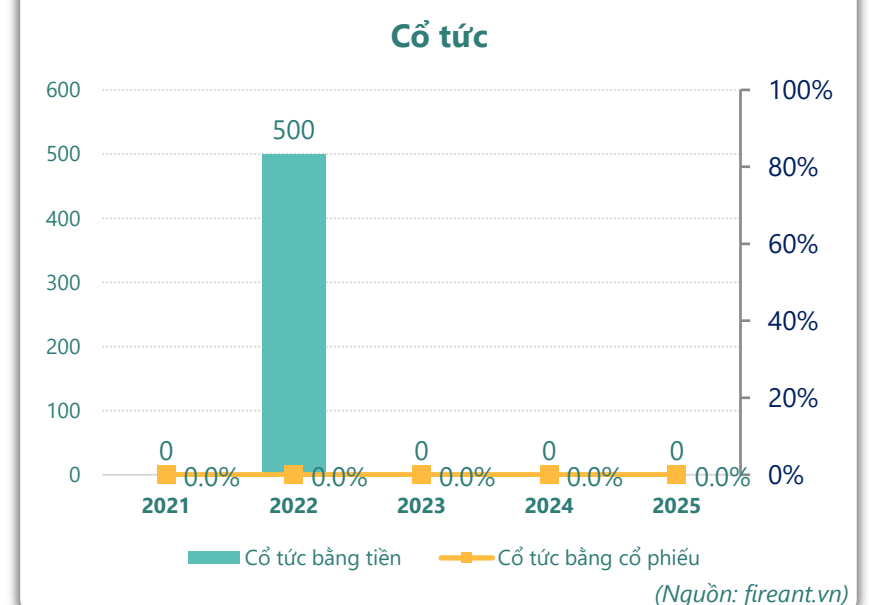
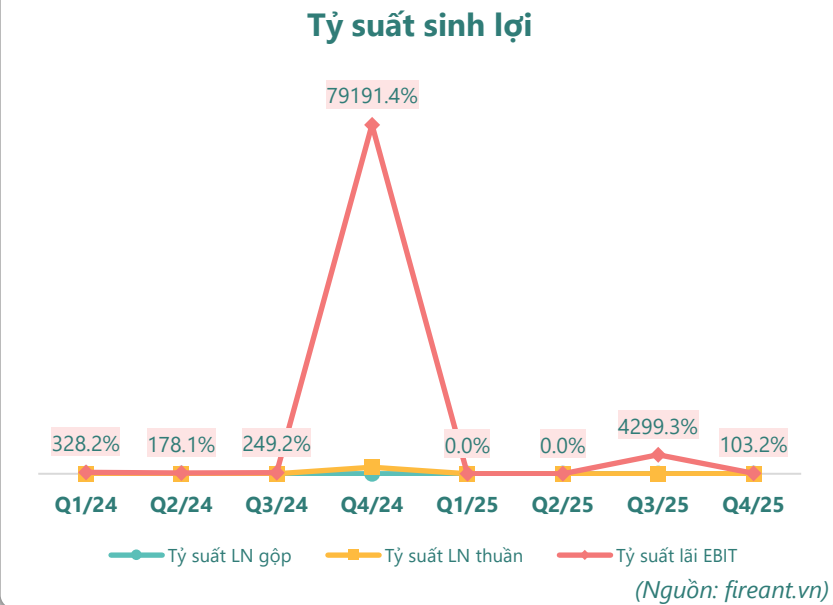
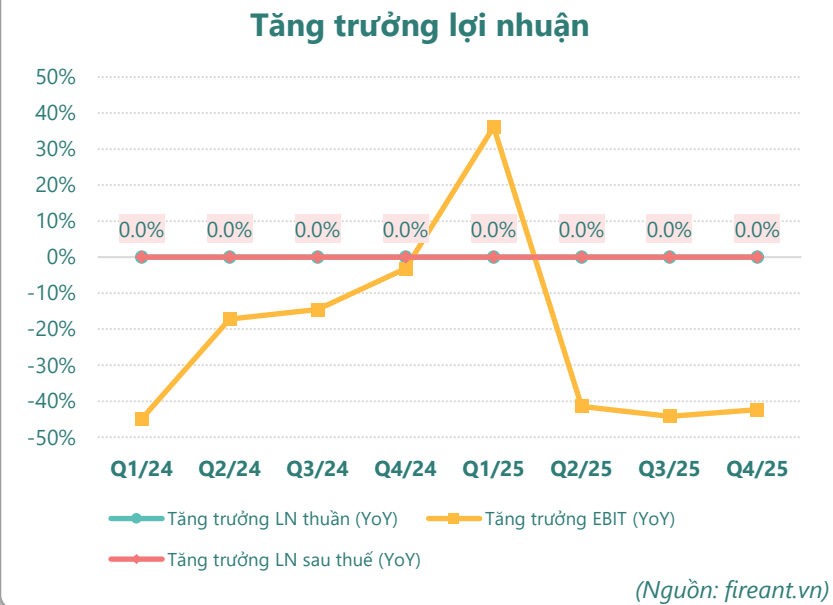
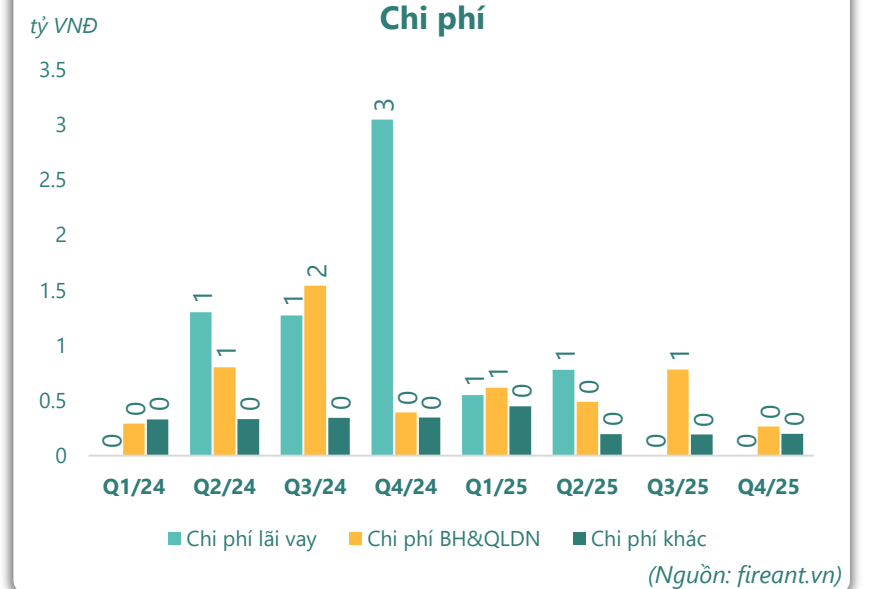
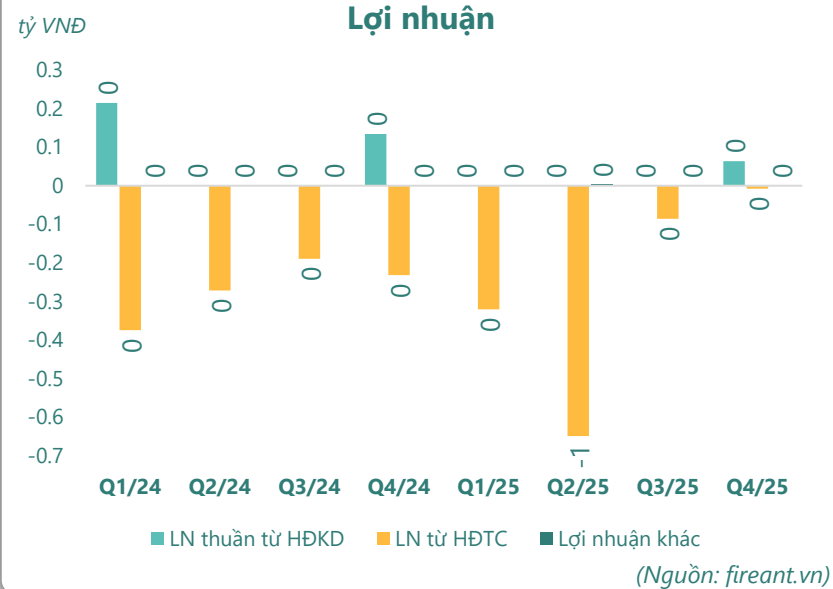
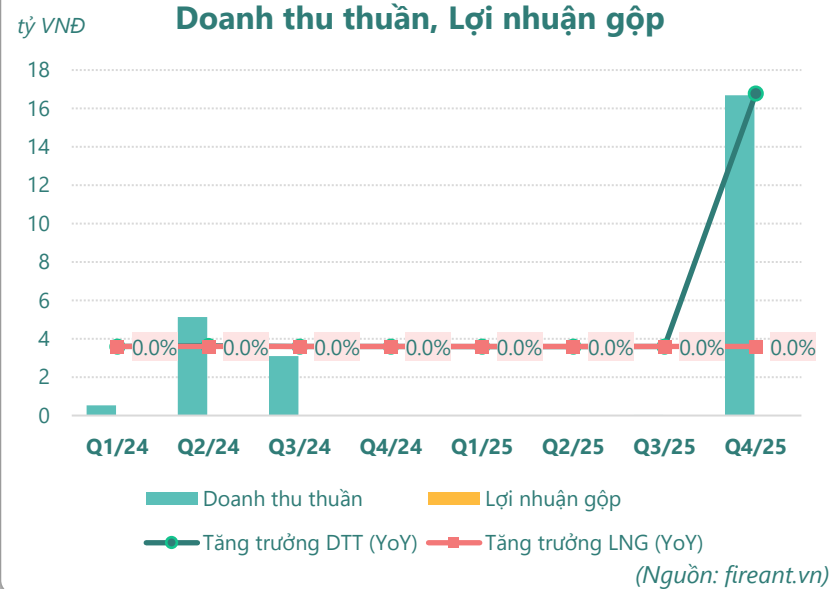
DT thuần 2025
16.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.92 90.4%

LN thuần 2025
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.29 -81.8%

LN sau thuế 2025
0
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

1
1
1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0
0
0

0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0% 0.0%

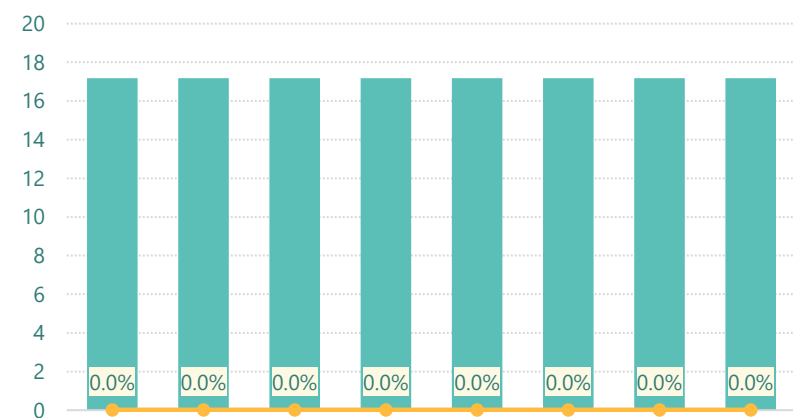
Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

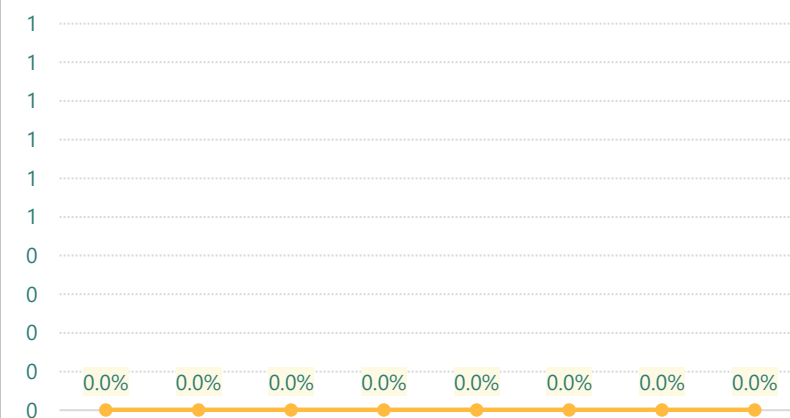


Tài sản dở dang TSDĐ dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

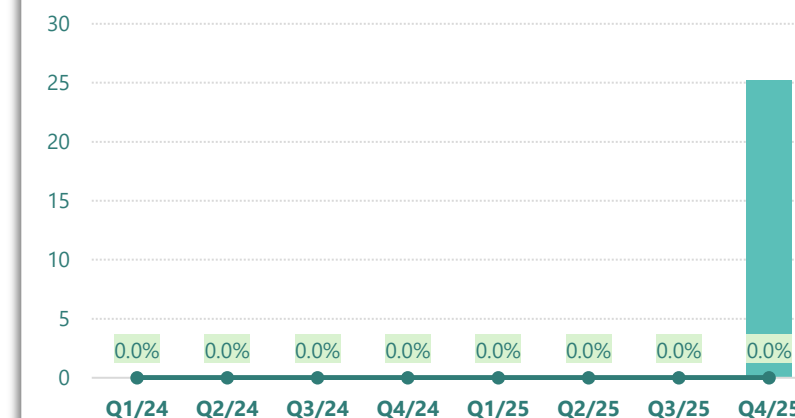


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

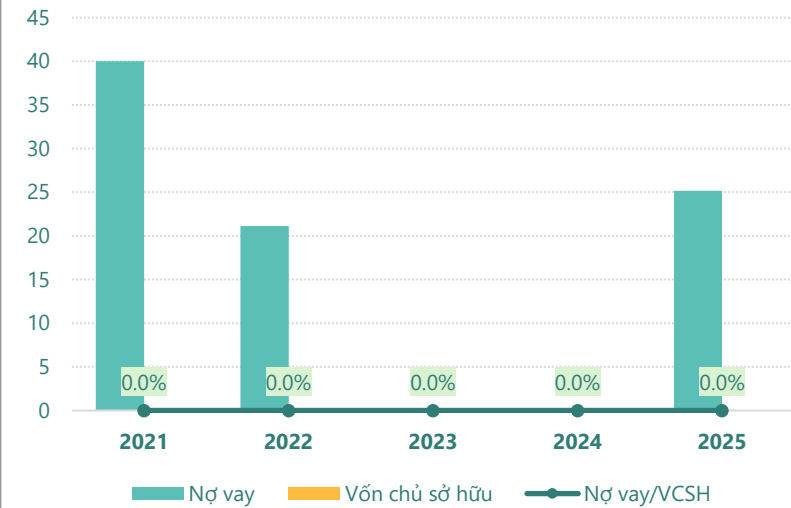
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

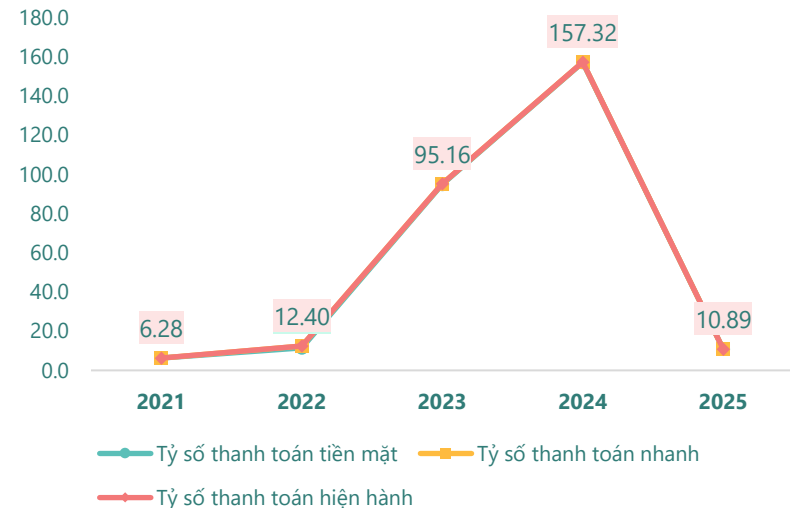
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



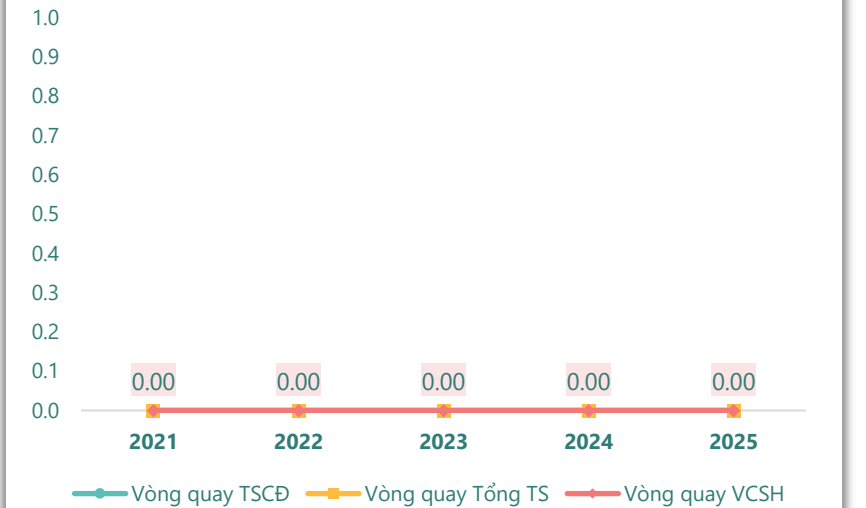
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



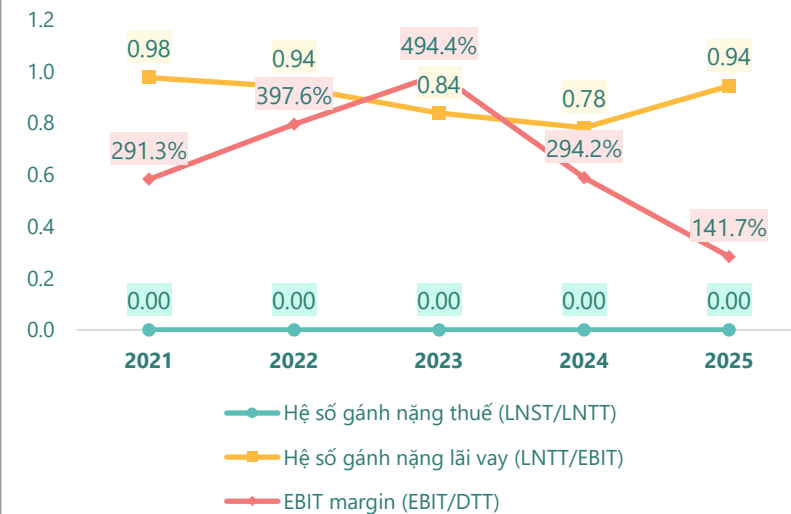
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



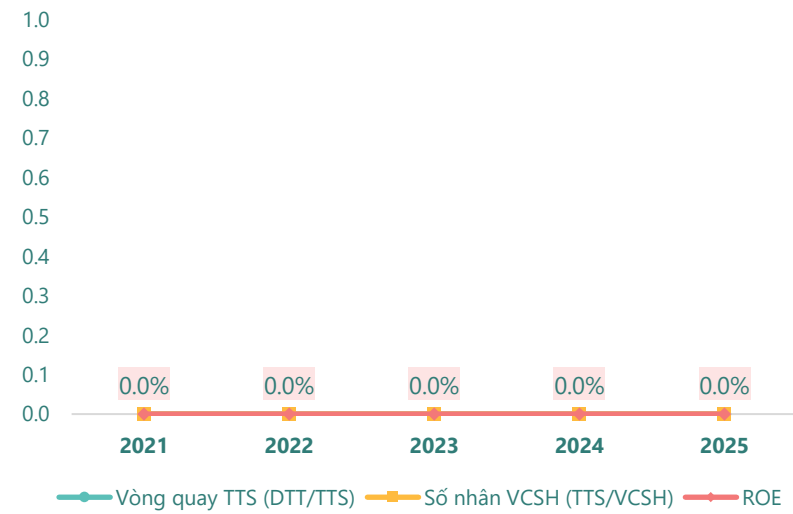
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

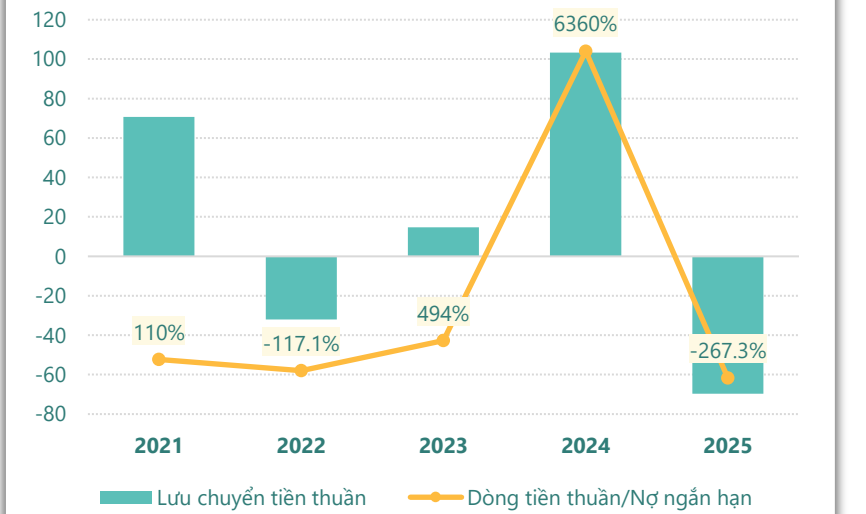
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	16.7	0.01	166701%	16.7	8.78	90.4%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0	0.00		0	0	
Chi phí TC	0.01	0.23	-96.8%	1.06	1.07	-0.5%
Chi phí lãi vay	0.00	3.05	-100.0%	1.33	5.62	-76.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.27	0.39	-32.0%	2.15	3.03	-29.0%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	0.06	0.13	-51.0%	0.06	0.35	-81.8%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	0	
LN trước thuế	17.2	4.16	314%	22.3	20.2	10.7%
Lợi nhuận sau thuế	0	0.00		0	0	
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.8	71.7	-88.8	71.2	91.8	-170
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	0.64	0.03	0.03	0.10	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.36	25.2
Tiền đầu kỳ	52.1	97.9	170	81.5	153	245
Lưu chuyển tiền thuần	45.8	72.4	-88.8	71.2	92.3	-144
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.9	170	81.5	153	245	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	283	255	10.9%
Tiền và tương đương tiền	282	255	10.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	180	77.6	132%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0.64	0.27	137%
Phải thu dài hạn	0.00	0.04	-97.6%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.2	17.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.64	0.62	2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.0	1.62	1503%
Nợ ngắn hạn	26.0	1.62	1503%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

